TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST Ngày 26-01-2021 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Chu Văn D, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 86 D, tổ dân phố N, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bị đơn: Chị Phạm Thu H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 17A/17 đường Q, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị Dung – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Hoàng Dung – Đoàn Luật sư Hải Phòng; địa chỉ: Số 103 L – N – Hải Phòng, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Chu Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Phạm Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại

UBND phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 17/3/2020. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, về kinh tế. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân từ tháng 7/2019. Chị H về ở cùng bố mẹ đẻ tại địa chỉ 17A/17 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Nay anh D xác định tình cảm không còn nên có đơn đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh D và chị H có một con chung là cháu Chu Thảo Nhi sinh ngày 06/4/2015, hiện chị H đang nuôi dưỡng và chị H có yêu cầu được nuôi con và anh D đồng ý đồng thời hàng tháng anh D sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.500.000 đồng/tháng từ tháng 01 năm 2021.

Về tài sản chung: Anh D không đề nghị tòa án giải quyết nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã có đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, vào các ngày 07/12, 20/12/2020 và tại buổi hòa giải ngày 07/01/2021 chị H đã có đơn, có đề nghị rút yêu này, không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy anh D chỉ đề nghị tòa án giải quyết cho anh D về quan hệ hôn nhân và con chung với chị H.

Bị đơn là chị Phạm Thu H trình bày:

Trong buổi hòa giải ngày 07/01/2021 tại Tòa án chị và anh D đã thống nhất được với nhau về các vấn đề về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và đến nay không thay đổi.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh D được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị và anh D có chung với nhau một con chung là cháu Chu Thảo Nhi sinh ngày 06/4/2015, chị H nhận nuôi con và đồng ý để anh D chu cấp tiền nuôi con là 3.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Ngày 20/12/2020 chị H đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã tự thỏa thuận với nhau về vấn đề chia tài sản chung; bị đơn đã có đơn rút yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn

rút tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi nghĩa liên quan. Nên đề nghị HĐXX không xác định vai trò tham gia tố tụng của ông T, bà M trong vụ án.

Về nội dung: Việc kết hôn của chị H và anh D theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xử cho anh D được ly hôn với chị H. Con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh D và chị H. Giao con chung là Chu Thảo Nhi cho chị H nuôi dưỡng. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.500.000đ/tháng. Tài sản chung: chị H đã có đơn xin rút yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 22/5/2020 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền thụ lý đơn yêu cầu của anh Chu Văn D về việc đề nghị ly hôn, giải quyết vấn đề con chung khi ly hôn với chị Phạm Thu H, sinh năm 1992 có địa chỉ: Số 17A/17 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ngày 10/8/2020 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền thụ lý đơn yêu cầu đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn của chị H. Do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu phản tố của chị H là ông Chu Văn T hiện đang sinh sống tại Vương quốc Anh. Nên vụ án đã chuyển thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng:

Xét thấy yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị H có liên quan đến bà Giang Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 86 Đông Phong, tổ dân phố Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, ông Chu Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 14 John street Sheffield S2 4QR, Vương Quốc Anh nên Tòa án đã đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Bị đơn đã rút

yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin rút tư cách tham gia tố tụng. Vì vậy HĐXX không tiếp tục đưa ông T, bà M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dụng:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh Chu Văn D và chị Phạm Thu H tuân theo các quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa anh D và chị H theo như gia đình hai bên và anh D chị H cùng xác nhận: Do đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị H đã về nhà mẹ đẻ chị H để sinh sống từ tháng 7/2019. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã kéo dài và thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục duy trì, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của anh D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh D và chị H có một con chung là cháu Chu Thảo Nhi sinh năm 2015, hiện đang ở cùng chị H. Chị H và anh D đã thống nhất thỏa thuận chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhi đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh D có nghĩa vụ chu cấp cho cháu Nhi 3.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2021. Xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: chị H đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố, Anh D và chi H cùng thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy việc rút yêu cầu phản tố của chị H và việc không đề nghị Tòa án giải quyết của anh D và chị H là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận; đình chỉ yêu cầu phản tố của chị H, không giải quyết vấn đề chia tài sản chung.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Chu Văn D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại chị H tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 217, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Chu Văn D được ly hôn với chị Phạm Thu H.

2. Về con chung:

2.1 Chấp nhận sự thỏa thuận sau: Chị Phạm Thu H trực tiếp nuôi con chung là cháu Chu Thảo Nhi sinh ngày 06/4/2015 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H là 3.500.000 đồng/tháng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền phải thi hành, anh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

3. Về tài sản chung:

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Phạm Thu H.

- Anh Chu Văn D và chị Phạm Thu H không đề nghị tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Chu Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0006452 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, anh D còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Phạm Thu H 17.500.000đ (Mười bẩy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn theo Biên lai thu số 0006606 ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền.

4. Về quyền kháng cáo: anh D và chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng;
- UBND phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hải Hà